

Số: 103/2024/QĐST-DS

Đống Đa, ngày 07 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017;

Căn cứ Điều 116, 117, 118, 119, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 18, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 102/2024/TLST-DS ngày 09/4/2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V** (viết tắt là VBANK); Trụ sở: Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T1 – Tổng Giám đốc; Người được uỷ quyền lại: Ông Đoàn Anh T2; Căn cước công dân số: 001080044xxx; Địa chỉ liên hệ: phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Bị đơn: **Ông Lê Đức T**, sinh năm 1976; Căn cước công dân số 03476013xxx; Đăng ký thường trú: Trần Lãm, thành phố Thái Bình; Địa chỉ liên hệ: Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa - nơi VBANK có trụ sở giải quyết.

2.1. Công nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự như sau:

Ông Lê Đức T và Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Hà Nội có ký yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế (mã khách hàng tại VBANK là 0754347), kèm yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế là các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

Sau khi ký hợp đồng, VBANK đã giao thẻ cho ông T; Ông T đã nhận và sử dụng thẻ; do tình hình covid nên công việc có nhiều khó khăn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VBANK.

Tại Điều 10 của các Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế thỏa thuận ... trường hợp có tranh chấp các bên có quyền đưa vụ tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền nơi ngân hàng có (đặt trụ sở) Chi nhánh ký kết để giải quyết.

Sau khi nhận thẻ, ông Lê Đức T đã sử dụng thẻ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

2.2. Công nhận về số nợ và lộ trình trả nợ của ông Lê Đức T như sau:

Xác nhận tính đến ngày 23/5/2024 ông Lê Đức T nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 93.569.117 đồng (chín mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm mười bảy đồng), gồm: nợ gốc 62.930.250 đồng, nợ lãi 16.842.278 đồng, phí 13.796.589 đồng.

Chậm nhất ngày 28/6/2024 ông Lê Đức T trả đủ số tiền 79.772.528 đồng (gồm nợ gốc 62.930.250 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23/5/2024 là 16.842.278 đồng) và nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại bản Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, từ ngày 24/5/2024 đến ngày thực tế trả nợ.

2.3. Đối với số tiền phí 13.796.589 đồng: VBANK miễn, không buộc ông T phải trả nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

3. Án phí: Các đương sự thống nhất ông Lê Đức T chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật là 2.339.227 đồng (hai triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng). Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền 2.430.764 đồng (hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi tư đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 1095668 ngày 04/4/2024 do Ngân hàng TMCP V đã nộp (Thông báo số 102 ngày 02/4/2024, Mã thông báo: L4Y26IX4VR).

Ngoài yêu cầu trên, các đương sự không có bất cứ yêu cầu nào khác.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thu Hà